

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 67/2021/DS-PT.

Ngày: 06/05/2021.

V/v “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr và bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLPT-DS ngày 04/02/2021. về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2020/DSST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐPT- DS ngày 30/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2021/QĐ – PT ngày 20/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D; địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. (Có mặt)

Bị đơn: Y N Niê (Tên gọi khác: Ama P); địa chỉ: Buôn A, xã K, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Y P1 Niê (Có mặt) và bà H’M Êban (Vắng mặt); địa chỉ: Buôn T, xã H, huyện C, tỉnh Đăk Lăk.

2. Ông Nguyễn Văn D; địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đăk Lăk. (Có mặt)

Người làm chứng: Ông Y T Êban (Tên gọi khác Ama S); địa chỉ: Buôn T, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

Do có kháng cáo của bị đơn ông Y N Niê và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ngày 29/12/2016, vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D có cho ông Y N Niê (tên thường gọi Ama P) vay 50.000.000đ, ngày 30/12/2016, ông Y N Niê vay tiếp 200.000.000đ. Mặc dù, các bên không ghi thời gian trả nợ vào giấy vay tiền, nhưng thỏa thuận miệng với nhau thời hạn vay 05 ngày kể từ ngày vay nếu ông Y N không trả được thì thời hạn kéo dài một tháng kể từ ngày vay, lãi suất của cả hai khoản vay 2%/tháng. Đến ngày 17/3/2017, Y N trả cho vợ chồng ông D, bà H 20.000.000đ tiền gốc. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông Y N Niê phải trả 230.000.000đ tiền gốc và 50.000.000đ tiền lãi đối với hai khoản vay. Đồng thời, không đồng ý với phần trình bày của ông Y N về việc ông Y N cho rằng khoản nợ trên đã trả trong khoản nợ 1.400.000.000đ và lãi suất tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 47/2017/QĐST- DS, ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông Y P1. Nếu ông Y N Niê đã trả nợ được cho vợ chồng ông thì đề nghị ông Y N xuất trình các giấy tờ thể hiện việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ giữa vợ chồng ông, vợ chồng ông Y P1 và ông Y N.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Y N Niê trình bày: Ông Y N đồng ý với phần trình bày của bà H về số nợ, thời hạn trả nợ. Ông Y N xác nhận có vay của bà H 250.000.000đ và ký tên dưới mục người vay nhưng với lãi suất là 2.000đ/1.000.000đ/ngày. Đến ngày 17/3/2017, ông Y N đã trả cho bà H 20.000.000đ bà H tiền gốc. Tuy nhiên, đối với khoản nợ trên thì vợ chồng ông Y P1 và bà H M đã trả cho Ông Y N trong khoản nợ 1.400.000.000đ và lãi suất tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 47/2017/QĐST- DS, ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar. Như vậy, Ông Y N đã trả hết tiền số tiền 250.000.000đ cho bà H, ông D.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Y P1 Niê và bà H M Êban (gọi tắt là vợ chồng ông Y P1) trình bày:

Vợ chồng ông xác nhận có nợ vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn D số tiền 1.400.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật. Trong khoản

nợ trên vợ chồng ông Y P1 cho rằng đã trả khoản nợ 250.000.000đ cho ông Y N Niê.

Người làm chứng ông Y T Êban trình bày:

Ngày 29/12/2016 ông có chứng kiến giữa bà Nguyễn Thị H và ông Y N lập hợp đồng kinh tế. Tuy nhiên, việc vay mượn tiền là trước đó và các bên lập biên bản với nhau để xác nhận nợ. Còn việc làm ăn, vay mượn giữa các bên ông cũng không biết cũng không liên quan.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 59/2020/DSST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng các Điều 166, Điều 274, Điều 275, Điều 280 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Y N Niê trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D số tiền 230.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2020, bị đơn ông Y N Niê kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 01/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị một phần bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Giữa Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Y N Niê có lập hợp đồng vay tài sản và các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm lại áp dụng thời hiệu khởi kiện nên xác định nguyên đơn chỉ có quyền khởi kiện

đòi lại số tiền gốc là không đúng với quy định và cần xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Về nội dung: Các đương sự thừa nhận ngày 29/12/2016, vợ chồng bà H, ông D cho ông Y N Niê vay 50.000.000đ; ngày 30/12/2016, ông Y N Niê vay thêm 200.000.000đ. Ông Y N đã trả cho vợ chồng ông D, bà H 20.000.000đ tiền gốc, số tiền 230.000.000đ ông Y N không trả là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông Y N Niê phải trả 230.000.000đ tiền gốc là và lãi suất theo quy định pháp luật là phù hợp.

Rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc cấp sơ thẩm vi phạm không mời trợ giúp viên pháp lý và án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp. HĐXX thấy: Ngày 29/12/2016, vợ chồng bà H, ông D cho ông Y N Niê vay 50.000.000đ; ngày 30/12/2016, ông Y N Niê vay thêm 200.000.000đ, các bên thỏa thuận thời hạn vay 05 ngày, tối đa một tháng kể từ ngày vay và có thỏa thuận trả lãi suất; ngày 17/3/2017, ông Y N đã trả cho vợ chồng ông D, bà Hiền 20.000.000đ tiền gốc. Bà H khởi kiện yêu cầu ông Y N Niê phải trả 230.000.000đ tiền gốc và 50.000.000đ đồng tiền lãi. Mặc dù, quá hạn 3 năm kể từ ngày ông Y N vi phạm nghĩa vụ trả nợ bà H mới khởi kiện, tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án*”. Quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định nguyên đơn mất quyền khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà chỉ có quyền “*Kiểm đòi tài sản*” là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, ông D. Cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là phù hợp với khoản 3 Điều 26; khoản 2 Điều 184 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H, thấy rằng: Ngày 29/12/2016, vợ chồng bà H, ông D cho ông Y N Niê vay 50.000.000đ; ngày 30/12/2016, ông Y N Niê vay thêm 200.000.000đ, các bên thỏa thuận thời hạn vay 05 ngày, tối đa một tháng kể từ ngày vay và có thỏa thuận trả lãi suất; ngày 17/3/2017, ông Y N đã trả cho vợ chồng ông D, bà H 20.000.000đ tiền gốc, số tiền 230.000.000đ ông Y N không

trả là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông Y N Niê phải trả 230.000.000đ tiền gốc là có căn cứ, phù hợp với các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp, phù hợp với các Điều 463; 466 của BLDS.

Xét yêu cầu tính lãi suất của bà H, thấy rằng: Mặc dù, các giấy vay tiền không thể hiện lãi suất nhưng các bên thừa nhận khi vay tiền hai bên có thỏa thuận miệng trả lãi suất. Tuy nhiên, bà H cho rằng lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng, còn ông Y N cho rằng lãi suất thỏa thuận miệng 2.000đ/1.000.000đ/1 ngày nhưng đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, không được bên còn lại thừa nhận. Do đó, có căn cứ xác định hợp đồng vay có lãi, thuộc trường hợp không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 của BLDS để tính lãi suất. Cụ thể: $50.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 2 \text{ tháng} = 1.065.000đ$ (1); $30.000.000 \times 0,83\%/tháng \times 3 \text{ năm} = 11.205.000đ$ (2); $200.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 4 \text{ năm} = 79.680.000đ$ (3). Tổng (1) + (2) + (3) = 91.950.000đ. Bà H yêu cầu ông Y N phải trả 50.000.000đ tiền lãi mặc dù ít hơn mức tiền lãi theo quy định. Tuy nhiên, xét thấy, đây là quyền quyết định và quyền tự định đoạt của đương sự đồng thời có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 5 của BLDS.

[3] Xét lời khai nại của ông Y N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H vì cho rằng số tiền 230.000.000đ còn nợ lại của bà H, ông D, vợ chồng ông Y P1, bà H' M đã trả cho thay ông Y N trong khoản nợ 1.400.000.000đ và lãi suất tại được giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 47/2017/QĐST- DS, ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar là không có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã ban hành quyết định thu thập chứng cứ số 21a/2020/QĐCCTLCC. Xét kết quả thu thập chứng cứ là tài liệu hồ sơ vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản thụ lý số 114/2017/TLST-DSST ngày 17/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar. Giữa: Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D; bị đơn: Vợ chồng ông Y P1, bà H M; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, thấy rằng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có việc chuyển giao nghĩa vụ từ ông Y N phải trả nợ cho vợ chồng bà H, ông D sang nghĩa vụ cho vợ chồng ông Y P1, bà H M phải trả nợ thay ông Y N cho vợ chồng bà H, ông D đồng thời không được bà Hiền, ông D thừa nhận. Do đó, không có căn cứ chấp nhận lời khai nại và kháng cáo của ông Y Nêm.

[4] Xét kháng cáo của ông Y N về việc yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của bà H. HĐXX thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận như nhận định, phân tích tại [2]. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[5] Xét kháng nghị của VKSND tỉnh Đắk Lắk. HĐXX thấy: Như nhận định và phân tích tại [1]; [2]; [3], Bản án sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất là không có cơ sở. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng nghị số 100/QĐKNPT- VKS – DS ngày 28/01/2021 của VKSND tỉnh Đắk Lắk sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng phân tích trên và đình chỉ một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Bản án sơ thẩm vi phạm thủ tục mời trợ giúp viên pháp lý và án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Ông Y N Niê phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Nội dung đơn kháng cáo của ông Y N Niê không được chấp nhận nên ông Y N Niê phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Y N Niê – Chấp nhận một phần kháng nghị số 100/QĐKNPT- VKS – DS ngày 28/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đình chỉ một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc Bản án sơ thẩm vi phạm thủ tục mời trợ giúp viên pháp lý và án phí dân sự sơ thẩm - Sửa Bản án sơ thẩm số 59/2020/DSST ngày 30/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk về quan hệ pháp luật, tiền lãi.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H: Buộc ông Y N Niê phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn D số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Trong đó, 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) tiền gốc và 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Y N Niê phải chịu 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai số AA/2019/0010122 ngày 02/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân huyện C.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông Y N đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2019/0016574 ngày 31/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện CưM'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền